

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08-6-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Lâm.

Ông Võ Quốc Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 24/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị D, sinh năm 1986; cư trú tại ấp R, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hùng B, sinh năm 1980; cư trú tại R, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2018 của chị Võ Thị D và quá trình tố tụng tại Tòa án chị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Hùng B tự nguyện kết hôn vào

năm 2002, đến ngày 12/3/2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh B không lo cuộc sống gia đình, thường hay tham gia tệ nạn xã hội, đồng thời nghi kỵ và không tin tưởng chị. Thời gian kéo dài, chị đã cho anh B cơ hội nhiều lần nhưng vẫn không sửa đổi nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung có 03 người gồm:

Nguyễn Kim H, sinh ngày 09/7/2002.

Nguyễn Như H1, sinh ngày 30/11/2005.

Nguyễn Minh T, sinh ngày 17/10/2014.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi người con tên Nguyễn Minh T, hai người con còn lại có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chị không yêu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 26 tháng 3 năm 2018 của anh Nguyễn Hùng B và quá trình tố tụng tại Tòa án anh B trình bày: Anh và chị Võ Thị D thành hôn vào năm 2002 và đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống cùng chị D anh thừa nhận có tham gia tệ nạn xã hội, không tin tưởng và xúc phạm chị D nhiều lần. Anh đã nhận thấy thiếu sót và yêu cầu được đoàn tụ, anh không chấp nhận ly hôn cùng chị D.

Về phần con chung như chị D khai là đúng, nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi ba người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về phần tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Nguyễn Kim H có nguyện vọng ở cùng chị D.

Ý kiến của Nguyễn Như H1 có nguyện vọng ở cùng anh B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật.

Đề nghị chấp nhận cho chị D ly hôn cùng anh B, chấp nhận giao con tên Nguyễn Kim H và Nguyễn Minh T cho chị D nuôi, giao anh B nuôi con tên Nguyễn Như H1, không đặt ra việc cấp dưỡng, về tài sản không xem xét giải quyết, buộc chị D chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Võ Thị D được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Hùng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh B.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị D và anh Nguyễn Hùng B được xác lập vào năm 2002 và đến ngày 12/3/2004 thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Thời gian chung sống anh B thừa nhận tham gia tệ nạn xã hội và không tin tưởng thậm chí xúc phạm đến chị D, từ đó làm mâu thuẫn gia đình phát sinh, tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng. Mặc dù, anh B yêu cầu hàn gắn nhưng chị D không đồng ý, thực tế đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, chị D và anh B có ba người con chung, trong đó Nguyễn Minh T còn nhỏ cần có sự chăm sóc, giúp đỡ của người mẹ nên chấp nhận giao cho chị D nuôi.

Đối với Nguyễn Kim H có nguyện vọng ở cùng chị D và Nguyễn Như H1 có nguyện vọng ở cùng anh B trong khi đó các đương sự đều có đủ điều kiện để nuôi con nên chấp nhận giao con tên Nguyễn Kim H cho chị D nuôi và giao con tên Nguyễn Như H1 cho anh B nuôi theo nguyện vọng của các con.

Phần cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra.

Các đương sự có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Hiện tại, Nguyễn Minh T và Nguyễn Kim H đang ở cùng anh B nên buộc anh B giao con cho chị D.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: chị Võ Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ phần tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát trong việc giải quyết vụ án là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử vắng mặt anh Nguyễn Hùng B;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Hùng B.

Về nuôi con chung: Chị Võ Thị D được nuôi con tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 17/10/2014 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 09/7/2002. Hiện tại, Nguyễn Minh T

và Nguyễn Kim H đang ở cùng anh B nên buộc anh B có trách nhiệm giao con cho chị D nuôi. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Hùng B được nuôi con tên Nguyễn Như H1, sinh ngày 30/11/2005 đang ở cùng anh.

Chị D và anh B đều có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của nhau.

Về chia tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng, chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014033 ngày 04/01/2018 được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải

